

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 08/8/2023.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Quý Quốc**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXX-ST ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị Thu N** - sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 10/1 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang.

* *Bị đơn:* **Anh Đoàn Quang V** - sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 48 Lê Văn Thạnh, Phường N, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Thu N** trình bày: Chị và anh **V** sống chung vào tháng 4/2022, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2 vào ngày 21/4/2022. Chị và anh **V** trước đây quen biết, sau đó mới tiến đến hôn nhân. Từ khi quen biết, chị được biết anh **V** đã có một khoản nợ lớn bên ngoài, lúc đó anh **V** nói với chị khoản nợ nhỏ, cả hai thống nhất cùng tiến đến hôn nhân và cùng làm để trả nợ cho anh **V**. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, chị được biết anh **V** nợ rất nhiều người và nợ với số tiền rất lớn. Chị và gia đình chị đã trả nợ thay cho anh **V** rất nhiều, anh **V** hứa sẽ không gây nợ nữa, cùng chị lo cho tương lai. Tuy nhiên, các chủ nợ vẫn tìm đến chị để đòi nợ, gây ảnh

hưởng đến cuộc sống và công việc của chị, anh V làm cho chị mất niềm tin vào anh V. Chị đã cho anh V rất nhiều cơ hội nhưng anh V vẫn không thay đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Từ khi ly thân, anh V thường xuyên làm phiền cuộc sống cá nhân của chị, anh V tạo tâm lý lo lắng hoảng sợ vì anh V xuyên đón đường lúc chị đi làm về khuya. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Quang V trình bày: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị N về thời gian cưới nhau, thời gian đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân từ ngày 15/11/2022 đến nay. Từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, anh và chị N vẫn nói chuyện, vẫn làm việc và cùng nhau trả nợ của anh. Nhưng từ tháng 06/2023 đến nay, chị N không gặp anh, chặn tin nhắn điện thoại, zalo và facbook nên anh không có cách nào để hàn gắn tình cảm với chị N. Anh có tìm gặp chị N lúc chị N đi làm về, nhưng chị N vẫn không nói chuyện với anh. Chị N cắt mọi liên lạc với anh từ tháng 06/2023 là do gia đình chị N không đồng ý anh chị hàn gắn tình cảm. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 48 Lê Văn Thanh, Phường 7, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được ly hôn với anh V, không chấp nhận đoàn tụ. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh V đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu N.

Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu N và anh Đoàn Quang V.

2. Án phí: Chị Bùi Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023865 ngày 02/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy